

# HIỆP ĐỊNH

GIỮA CHÍNH PHỦ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
VÀ CHÍNH PHỦ MALAIXIA NGÀY 21 THÁNG 1 NĂM 1992  
VỀ KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ

*Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Malaixia, sau đây gọi là hai Bên ký kết;*

*Với mong muốn mở rộng và tăng cường hợp tác kinh tế và công nghiệp lâu dài, tạo những điều kiện thuận lợi cho đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết này tại lãnh thổ của Bên ký kết kia;*

*Nhận thấy sự cần thiết bảo hộ đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết và thúc đẩy đầu tư và kinh doanh vì lợi ích kinh tế của hai Bên ký kết.*

*Đã thoả thuận những điều khoản sau đây:*

## **Điều 1**

Định nghĩa

Với mục đích của Hiệp định này:

a. "Đầu tư" chỉ những tài sản, cụ thể là, nhưng không phải tất cả:

- Động sản, bất động sản và bất kỳ các quyền sở hữu tài sản nào khác như quyền thế chấp, cầm cố;

- Phần góp vốn, vốn và phiếu ghi nợ của các công ty hay lãi từ tài sản của các công ty đó;

- Quyền đối với một khoản tiền hay quyền đối với bất kỳ sự thực hiện nào có giá trị mặt tài chính;

- Quyền sở hữu trí tuệ và công nghiệp như quyền tác giả, bằng phát minh sáng chế, nhãn hiệu thương mại, tên thương mại, kiểu dáng công nghiệp, bí quyết quy trình kỹ thuật và bí quyết kỹ thuật và đặc quyền kế nghiệp;

- Sự tô nhượng kinh doanh theo luật hoặc theo hợp đồng, bao gồm tô nhượng về thăm dò, nuôi trồng, tinh chế hoặc khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Thuật ngữ "Đầu tư" nói trên là:

- Liên quan đến đầu tư trên lãnh thổ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là những dự án đầu tư được Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam chấp thuận trên cơ sở pháp luật hiện hành.

Liên quan tới đầu tư trên lãnh thổ Malaixia, tất cả các đầu tư được thực hiện trong các dự án được phân loại bởi các Bộ có liên quan của Malaixia theo pháp luật là quyết định hành chính như một "dự án được chuẩn y".

Mọi sự thay đổi về hình thức của các tài sản đã đầu tư không ảnh hưởng đến việc phân loại chúng là đầu tư, miễn là sự thay đổi đó không trái với sự chuẩn y đã đưa ra nêu có, đối với các tài sản được đầu tư ban đầu

b. "Thu nhập" chỉ các khoản phát sinh từ đầu tư, cụ thể là, nhưng không phải tất cả, bao gồm: lợi nhuận, lãi lãi cổ phần, lợi tức được chia, tiền bản quyền hoặc phí.

c. Thuật ngữ "*Nhà đầu tư*" có nghĩa là:

Bất kỳ cá nhân nào là công dân hoặc là người thường trú tại một Bên ký kết phù hợp với pháp luật của Bên ký kết đó; hoặc

Bất kỳ công ty, hợp doanh, đơn vị uỷ thác, liên doanh, tổ chức, hiệp hội hoặc xí nghiệp được thành lập một cách hợp pháp phù hợp với pháp luật hiện hành của Bên ký kết đó; người mà thực hiện đầu tư;

d. "*Lãnh thổ*" có nghĩa là:

- Liên quan tới Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là toàn bộ vùng đất bao gồm cả các hải đảo, vùng biển và vùng trời thuộc nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Liên quan tới Malaixia là toàn bộ vùng đất bao gồm cả các hải đảo, vùng biển và vùng trời thuộc Liên bang Malaixia.

e. "*Đồng tiền tự do sử dụng*" có nghĩa là đồng đô la Mỹ, bảng Anh, mác Tây Đức, phrăng Pháp, yên Nhật hoặc bất kỳ đồng tiền nào khác mà được sử dụng rộng rãi để thanh toán trong giao dịch thương mại quốc tế và được trao đổi rộng rãi trên các thị trường tiền tệ quốc tế chính.

## **Điều 2**

Khuyến khích và bảo hộ đầu tư

1. Mỗi Bên ký kết Hiệp định sẽ khuyến khích và tạo những điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia đầu tư trên lãnh thổ của mình và sẽ chấp thuận việc đầu tư đó phù hợp với pháp luật, quy định và các quyết định hành chính của mình.

2. Việc đầu tư của các nhà đầu tư mỗi Bên ký kết sẽ luôn luôn được hưởng sự đối đãi thoả đáng và công bằng và được bảo đảm an toàn trên lãnh thổ Bên ký kết kia.

## **Điều 3**

Quy định nước được hưởng quyền ưu đãi nhất

1. Việc đầu tư của các nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết trên Lãnh thổ Bên ký kết kia được hưởng sự đối đãi thoả đáng và công bằng và sự đối đãi này không kém thuận lợi hơn sự đối đãi dành cho đầu tư của nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào.

2. Các nhà đầu tư của một Bên ký kết đầu tư trên lãnh thổ Bên ký kết kia nếu bị rủi ro do nguyên nhân chiến tranh hoặc xung đột vũ trang, cách mạng, tình trạng khẩn cấp toàn quốc, bạo động, nổi dậy hay nổi loạn trên lãnh thổ của Bên ký kết kia sẽ được xem xét bồi thường đền bù hoặc bằng giải pháp khác không kém thuận lợi hơn mà Bên ký kết kia dành cho nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào.

## **Điều 4**

Trường hợp ngoại lệ

Những quy định của Hiệp định này liên quan đến việc đưa ra sự đối xử không kém thuận lợi hơn nhà đầu tư của bất kỳ nước thứ ba nào sẽ không có nghĩa là bất

buộc một Bên ký kết phải cho nhà đầu tư Bên ký kết kia mọi ưu đãi, đặc quyền của các trường hợp sau đây:

a. Bất kỳ một sự liên minh thuế quan trong hiện tại hoặc trong tương lai về một khu vực thương mại tự do hoặc khu vực thuế quan hay một liên minh tiền tệ hoặc một hiệp định quốc tế tương tự hoặc những hình thức hợp tác khu vực khác mà một trong các Bên ký kết là thành viên hoặc có thể trở thành thành viên; hoặc

b. Chấp nhận một hiệp định đã được ký kết dẫn tới việc hình thành hay mở rộng một liên minh hoặc một khu vực trong khoảng thời gian thích hợp; hoặc

c. Bất kỳ một hiệp định hoặc thoả thuận quốc tế nào có liên quan đến toàn bộ hoặc chủ yếu tới thuế hoặc bất kỳ pháp luật trong nước nào có liên quan đến toàn bộ hoặc chủ yếu tới thuế.

## **Điều 5**

### **Trung dụng**

Không một Bên ký kết nào được áp dụng bất kỳ biện pháp trung dụng, quốc hữu hoá hoặc bất cứ sự tước quyền sở hữu nào có hậu quả tương tự như quốc hữu hoá hay trung dụng đối với đầu tư của nhà đầu tư Bên ký kết kia trừ các điều kiện sau:

a. Biện pháp áp dụng vì mục đích công cộng và theo thủ tục của luật;

b. Các biện pháp không phân biệt đối xử;

c. Các biện pháp được kèm theo những quy định về việc trả tiền bồi thường ngay lập tức, đầy đủ và hiệu quả. Việc bồi thường như vậy phải tương xứng với giá thị trường của đầu tư ngay trước khi biện pháp trung dụng được phổ biến rộng rãi và khoản bồi thường đó được tự do chuyển ra nước ngoài bằng các đồng tiền tự do sử dụng. Bất kỳ một sự chậm trễ phi lý trong việc trả đền bù sẽ phải chịu khoản lãi thích hợp theo tỷ giá thương mại do hai Bên thoả thuận hoặc với tỷ giá được pháp luật quy định.

## **Điều 6**

### **Việc chuyển đầu tư về nước**

1. Mỗi Bên ký kết, trên cơ sở pháp luật và quy định của mình và thực tế quản lý cho phép chuyển ra nước ngoài không chậm trễ bằng bất kỳ đồng tiền tự do sử dụng nào các khoản sau:

a. Lãi ròng, lãi cổ phần, tiền bản quyền, chi phí hỗ trợ kỹ thuật và phí kỹ thuật, lợi tức và các khoản thu nhập hiện tại khác phát sinh từ đầu tư của nhà đầu tư Bên ký kết kia;

b. Số tiền thu từ toàn bộ hoặc một phần thanh lý tài sản của bất kỳ việc đầu tư nào của nhà đầu tư Bên ký kết kia;

c. Các khoản tiền trả vay liên quan tới đầu tư; và

d. Các khoản thu nhập của những công dân và những người thường trú của một trong các Bên ký kết được thuê và được phép làm việc liên quan tới đầu tư trên lãnh thổ Bên ký kết kia.

2. Tỷ giá hối đoái áp dụng cho việc chuyển đổi các khoản quy định tại khoản 1 của Điều này là tỷ giá hối đoái công bố vào thời điểm chuyển.

3. Các Bên ký kết Hiệp định bảo đảm cho việc chuyển ra nước ngoài các khoản nêu ở khoản 1 của Điều này một sự đối đãi thuận lợi như đối đãi dành cho bất kỳ nhà đầu tư của nước thứ ba nào.

## **Điều 7**

Giải quyết tranh chấp về đầu tư giữa một Bên ký kết với nhà đầu tư của Bên ký kết kia

1. Nếu bất kỳ tranh chấp nào phát sinh giữa một Bên ký kết với nhà đầu tư Bên ký kết kia mà bao gồm:

- Nghĩa vụ của Bên ký kết đó đối với những đầu tư của nhà đầu tư Bên ký kết kia, hoặc

- Sự vi phạm bất kỳ quyền nào trong Hiệp định này liên quan tới đầu tư của nhà đầu tư đó.

Bên ký kết và nhà đầu tư liên quan sẽ tìm cách giải quyết tranh chấp thông qua tham khảo ý kiến và thương lượng. Bên có ý định giải quyết tranh chấp thông qua tham khảo ý kiến và thương lượng phải thông báo cho Bên kia về ý định của mình.

2. Nếu tranh chấp không được giải quyết theo như quy định tại phần 1 Điều này trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày thông báo cho Bên kia thì Bên ký kết và nhà đầu tư liên quan sẽ đưa tranh chấp ra hoà giải theo thủ tục của Điều lệ hoà giải Luật thương mại quốc tế 1980 của Uỷ ban Liên hợp quốc hoặc đưa ra Trọng tài theo thủ tục của Điều lệ Trọng tài Luật thương mại quốc tế 1976 của Uỷ ban Liên hợp quốc, được quy định như sau:

a. Liên quan tới quá trình hoà giải sẽ có hai hoà giải viên, mỗi Bên chỉ định một; và

b. Liên quan tới quá trình trọng tài, sẽ áp dụng như sau:

- Toà án trọng tài sẽ gồm 3 trọng tài viên. Mỗi Bên sẽ chọn một trọng tài viên. Hai trọng tài viên này sẽ thoả thuận cử một trọng tài viên là công dân của nước thứ ba có quan hệ ngoại giao với Chính phủ của các Bên tranh chấp làm Chủ tịch. Các trọng tài viên sẽ được chỉ định trong vòng 2 tháng kể từ ngày một trong các Bên tranh chấp thông báo cho Bên kia ý định đưa vụ tranh chấp ra Toà án nhưng phải sau 6 tháng theo quy định tại khoản 2 Điều này.

- Phán quyết của Toà án được đưa ra phù hợp với những điều khoản của Hiệp định này, pháp luật trong nước của Bên liên quan bao gồm cả luật lệ về xung đột pháp luật trên lãnh thổ của Bên ký kết nơi tranh chấp về đầu tư phát sinh cũng như những nguyên tắc được thừa nhận chung của luật pháp quốc tế.

- Mỗi Bên của vụ tranh chấp sẽ chịu chi phí cho trọng tài viên và những người tư vấn của mình trong quá trình trọng tài. Chi phí cho Chủ tịch và những chi phí khác của Toà án trọng tài hai Bên của vụ tranh chấp chịu bằng nhau.

## **Điều 8**

Giải quyết tranh chấp giữa các Bên ký kết Hiệp định

1. Các tranh chấp giữa các Bên ký kết có liên quan tới việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này, nếu có thể sẽ được giải quyết bằng con đường ngoại giao.

2. Nếu việc tranh chấp giữa các Bên ký kết không được giải quyết thì theo yêu cầu của Bên ký kết, vụ tranh chấp được đưa ra giải quyết tại một Tòa án trọng tài.

3. Một Tòa án trọng tài như vậy sẽ được thành lập cho từng trường hợp cụ thể theo cách sau đây. Trong vòng 2 tháng kể từ khi nhận được yêu cầu phân xử tại trọng tài, mỗi Bên ký kết sẽ chỉ định một thành viên của Tòa án. Hai thành viên đó sẽ chọn một công dân của nước thứ ba, người mà theo sự chuẩn y của hai Bên ký kết sẽ được chỉ định trong vòng hai tháng kể từ ngày chỉ định hai thành viên kia.

4. Nếu trong thời gian nêu tại điểm 3 của Điều này mà việc chỉ định không thực hiện được thì mỗi Bên ký kết, nếu không có Hiệp định nào khác sẽ mời Chủ tịch Tòa án quốc tế để tiến hành sự chỉ định cần thiết. Nếu Chủ tịch Tòa án quốc tế là công dân một Bên ký kết hoặc nếu ông ta vì một cản trở nào khác không thực hiện được chức năng như đã nói, thì Phó Chủ tịch Tòa án quốc tế sẽ được mời để tiến hành sự chỉ định cần thiết. Nếu Phó Chủ tịch Tòa án quốc tế là công dân của một Bên ký kết hoặc nếu ông ta vì một cản trở không thực hiện được chức năng như đã nói thì thành viên cao cấp tiếp theo của Tòa án quốc tế mà nếu họ không phải là công dân của một Bên ký kết sẽ được mời để tiến hành sự chỉ định cần thiết.

5. Tòa án trọng tài ra quyết định bằng biểu quyết theo đa số. Quyết định này sẽ bắt buộc đối với hai Bên ký kết. Mỗi Bên ký kết sẽ chịu chi phí cho các thành viên của mình trong Tòa án trọng tài và đại diện của mình trong tố tụng; chi phí cho Chủ tịch và các chi phí khác do mỗi Bên chịu bằng nhau. Tuy nhiên Tòa án có thể bằng quyết định trực tiếp về khoản chi phí cao hơn mà một trong hai Bên ký kết phải chịu và quyết định này sẽ bắt buộc đối với hai Bên ký kết. Tòa án sẽ xác định thủ tục của mình.

## **Điều 9**

### **Sự thế quyền**

Nếu Bên ký kết này hoặc cơ quan được uỷ quyền thanh toán bất cứ khoản nào cho nhà đầu tư của mình theo một bảo đảm liên quan tới đầu tư, thì Bên ký kết kia với tư cách là bên cho thế quyền sẽ công nhận sự uỷ quyền của mình về bất cứ quyền hoặc danh nghĩa nào cho Bên ký kết này hoặc cơ quan được uỷ quyền trong việc bồi thường cho nhà đầu tư đó và công nhận sự thay thế của Bên ký kết này hoặc cơ quan được uỷ quyền về bất cứ quyền hoặc danh nghĩa nào mà không làm tổn hại đến quyền của Bên ký kết này hoặc cơ quan được uỷ quyền theo quy định tại Điều 7.

## **Điều 10**

### **Việc áp dụng cho đầu tư**

Hiệp định này áp dụng cho các đầu tư của các nhà đầu tư Bên ký kết này thực hiện trên lãnh thổ Bên ký kết kia, phù hợp với pháp luật hoặc quy định của Bên ký kết đó kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1988.

## **Điều 11**

Hiệu lực, thời hạn và chấm dứt Hiệp định

1. Hiệp định này có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày mà Chính phủ của các Bên ký kết thông báo cho nhau là đã hoàn thành các thủ tục bảo đảm cho Hiệp định có hiệu lực.

2. Hiệp định này có hiệu lực trong thời hạn là 10 năm và sẽ tiếp tục có hiệu lực, trừ khi được chấm dứt theo quy định tại khoản 3 của Điều này.

3. Mỗi Bên ký kết có thể thông báo bằng văn bản cho Bên kia về sự chấm dứt Hiệp định trong 1 năm trước năm thứ 10 hoặc bất kỳ thời gian nào sau đó.

4. Đối với việc đầu tư tiến hành trước ngày Hiệp định này hết hiệu lực thì những quy định trong tất cả các Điều của Hiệp định này vẫn tiếp tục có hiệu lực trong thời hạn là 10 năm kể từ ngày hết hiệu lực.

Đại diện của hai Chính phủ chứng thực việc ký Hiệp định này.

Hiệp định này được lập thành hai bản tại Cuala Lumpua, ngày 21 tháng 1 năm 1992 bằng tiếng Bahasa Malaixia, tiếng Việt và tiếng Anh. Cả hai bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có sự khác' nhau, thì căn cứ vào bản tiếng Anh.